

PHÒNG GD&ĐT.....

(Đề gồm 02 trang)

**ĐỀ KIỂM TRA LUYỆN KỸ NĂNG LÀM BÀI
THI KẾT HỢP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024 – 2025**

MÔN: Ngữ văn 6 (Cánh Diều)

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

SỰ TÍCH CÂY NGÔ

Năm ấy, trời hạn hán. Cây cối chết khô vì thiếu nước, bản làng xơ xác vì đói khát. Nhiều người phải bỏ bản ra đi tìm nơi ở mới. Ở nhà nọ chỉ có hai mẹ con. Người mẹ ốm đau liên miên và cậu con trai lên 7 tuổi. Cậu bé tên là Aum, có nước da đen nhấy và mái tóc vàng hoe. Tuy còn nhỏ nhưng Aum đã trở thành chỗ dựa của mẹ. Hằng ngày, cậu dậy sớm vào rừng kiếm măng, hái nấm, hái quả mang về cho mẹ. Nhưng trời ngày càng hạn hán hơn. Có những lần cậu đi cả ngày mà vẫn không tìm được thứ gì để ăn. Một hôm, vừa đói vừa mệt cậu thiếp đi bên bờ suối. Trong mơ, cậu nhìn thấy một con chim cắp quả gì to bằng bắp tay, phía trên có chùm râu vàng như mái tóc của cậu. Con chim đặt quả lạ vào tay Aum rồi vỗ cánh bay đi. Tỉnh dậy Aum thấy quả lạ vẫn ở trên tay. Ngạc nhiên, Aum lần bóc các lớp vỏ thì thấy phía trong hiện ra những hạt màu vàng nhạt, xếp thành hàng đều tăm tắp. Aum tía một hạt bỏ vào miệng nhai thử thì thấy có vị ngọt, bùi. Mừng quá, Aum cầm quả lạ chạy một mạch về nhà.

Mẹ của cậu vẫn nằm thêm thiếp trên giường. Thương mẹ mấy ngày nay đã đói lả, Aum vội tía những hạt lạ đó mang giã và nấu lên mời mẹ ăn. Người mẹ dần dần tỉnh lại, âu yếm nhìn đứa con hiếu thảo. Còn lại ít hạt, Aum đem gieo vào mảnh đất trước sân nhà. Hằng ngày, cậu ra sức chăm bón cho cây lạ. Nhiều hôm phải đi cả ngày mới tìm được nước uống nhưng Aum vẫn dành một gáo nước để tưới cho cây. Được chăm sóc tốt nên cây lớn rất nhanh, vươn những lá dài xanh mướt. Chẳng bao lâu, cây đã trở hoa, kết quả.

Mùa hạn qua đi, bà con lũ lượt tìm về bản cũ. Aum hái những quả lạ có râu vàng hoe như mái tóc của cậu biếu bà con để làm hạt giống. Quý tám lòng thơm thảo của Aum, dân bản lấy tên cậu bé đặt tên cho cây có quả lạ đó là cây Aum, hay còn gọi là cây ngô. Nhờ có cây ngô mà từ đó, những người dân Pako không còn lo thiếu đói nữa.

(Truyện cổ tích Việt Nam - Nguồn truyencotich.vn)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định thể loại của truyện “Sự tích cây ngô”.

A. Truyện cổ tích

B. Truyện đồng thoại

D. Thần thoại

A.Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

A. Từ láy

C. Từ ghép

D. Từ đồng âm

A. Trạng ngữ chỉ thời gian

B. Trang ngữ chỉ mục đích

C. Trang ngữ chỉ nơi chốn

D. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

A. Đúng

B. Sai

A. Biểu tượng cho sự sống và lòng hiếu thảo

B. Biểu tượng cho sự sống và tình yêu thương

C. Biểu tượng cho sự sống ấm no của dân làng

D. Biểu tượng cho sự sống và ước mơ cao đẹp

A. Vì em nghĩ mọi người đều thương yêu em

B. Vì em bé muốn mẹ được khỏe mạnh

C. Vì em thích loại giống lạ mới thấy lần đầu.

D. Vì em có lòng tốt muốn chia sẻ cho dân làng

A. Ca ngợi ý nghĩa của loài cây

B. Ca ngợi lòng hiếu thảo

C. Ca ngợi tình cảm gia đình

D. Ca ngợi tình mẫu tử

Câu 9. Em rút ra được những bài học sâu sắc nào từ truyện “ Sự tích cây ngô”?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết mà em đã đọc hoặc nghe kể (lưu

ý: không sử dụng các truyện có trong SGK Ngữ văn 6 bộ Cánh Diều).

----- Hết -----

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..	Nhận biết: - Nhận biết thể loại truyện cổ tích, lời người kể chuyện. - Nhận biết được chi tiết tiêu	3 TN	5TN	2TL	

		tích)..	biểu. Thông hiểu: - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, ý nghĩ. - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản. - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng. Vận dụng: - Rút ra được bài học từ văn bản. - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa của văn bản.				
2	Viết	Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện của dân gian.				1 TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

SỰ TÍCH CÂY VÚ SỮA

Ngày xưa, có một cậu bé được mẹ cưng chiều nên rất nghịch và ham chơi, không nghe lời mẹ. Một lần, bị mẹ mắng, cậu giận mẹ bỏ đi. Cậu la cà, dạo chơi khắp nơi, mẹ cậu ở nhà lo lắng không biết cậu ở đâu nên rất buồn. Bà ngày ngày mẹ ngồi ở bậc cửa ngóng con trở về.

Thời gian trôi qua mà cậu vẫn không về. Vì quá đau buồn và kiệt sức, mẹ cậu mất. Không biết cậu đã đi bao lâu. Một hôm, vừa đói vừa rét, lại bị trẻ lớn hơn đánh, cậu mới nhớ đến mẹ.

- Phải rồi, khi mình đói, mẹ vẫn cho mình ăn, khi mình bị đứa khác bắt nạt, mẹ vẫn bảo vệ mình, về với mẹ thôi.

Cậu vội tìm đường về nhà. Ở nhà, cảnh vật vẫn như xưa, nhưng không thấy mẹ đâu. Cậu gọi mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ đi đâu rồi, con đói quá ! – Cậu gục xuống, ôm một cây xanh trong vườn mà khóc.

Kỳ lạ thay, cây xanh đó bỗng run rẩy. Từ các cành lá, những đài hoa bé bé trổ ra, nở trắng như mây. Hoa tàn, quả xuất hiện, lớn nhanh, da căng mịn, xanh óng ánh. Cây nghiêng cành, một quả to mọc rơi vào tay cậu bé.

Cậu bé cắn một miếng thật to, câu thốt lên:

- Chát quá!

Quả thứ hai rơi xuống. Cậu lột vỏ, cắn vào hạt quả. Cậu thốt lên:

- Cứng quá!

Quả thứ ba rơi xuống. Cậu khẽ bóp quanh quanh quả, lớp vỏ mềm dần rồi khẽ nứt ra một kẽ nhỏ. Một dòng sữa trắng sòng sánh trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ.

Cậu bé ghé môi hứng lấy dòng sữa ngọt ngào, thơm ngon như sữa mẹ.

Cây rung rinh cành lá, thì thào :

- Ăn trái ba lần mới biết trái ngon. Con có lớn khôn mới hay lòng mẹ.

Cậu oà lên khóc. Mẹ đã không còn nữa. Cậu nhìn lên tán lá, lá một mặt xanh bóng, mặt kia đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Cậu ôm lấy thân cây mà khóc, thân cây xù xì, thô ráp như đôi bàn tay làm lụng của mẹ.

Nước mắt cậu rơi xuống gốc cây. Cây xòa cành ôm cậu, rung rinh cành lá như tay mẹ âu yếm vỗ về đứa con thân yêu.

Cậu kể cho mọi người nghe chuyện về người mẹ và nỗi ân hận của mình...

Trái cây thơm ngon ở vườn nhà cậu, ai cũng thích. Họ đem về gieo trồng khắp nơi và đặt tên là Cây Vú Sữa.

(Nguồn : <https://www.cotich.net>)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Truyện *Sự tích cây vú sữa* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện thuyết. D. Thần thoại.

Câu 2. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?

A. Lời của nhân vật cậu bé. B. Lời của người kể chuyện.
C. Lời của nhân vật người mẹ. C. Lời của cây vú sữa.

Câu 3. Vì sao cậu bé bỏ nhà ra đi?

A. Vì ham chơi, không nghe lời mẹ.
B. Vì thích la cà, dạo chơi.
C. Vì bị mẹ mắng, cậu giận mẹ.
D. Vì không thích ở nhà.

Câu 4. Thành ngữ nào sau đây diễn tả cuộc sống khi được mẹ chăm sóc?

A. Cơm no áo ấm.
B. Ăn cần ở kiệm.

- C. Ăn đôi mặc rách.
D. Ăn chay nằm đất.
- Câu 5.** Nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của người mẹ?
A. Vì cậu bé không nghe lời.
B. Vì lo lắng không biết cậu bé ở đâu.
C. Vì quá đau buồn và kiệt sức.
D. Vì mãi trông ngóng cậu bé trở về.
- Câu 6.** Điều gì khiến cậu bé oà lên khóc?
A. Cậu đói, rét và bị bắt nạt.
B. Đi lâu cậu nhớ đến mẹ.
C. Lâu quá cậu mới được ăn.
D. Cậu hiểu được ý cậu nói của cây.
- Câu 7.** Giải thích nào phù hợp với chi tiết: *Nước mắt cậu rơi xuống gốc cây*.
A. Cậu bé về nhà không thấy mẹ.
B. Cảm thấy thân cây như bàn tay mẹ.
C. Nhìn thấy mặt lá đỏ hoe.
D. Vì cậu không còn ai chăm sóc.
- Câu 8.** Nhận xét nào sau đây đúng với truyện *Sự tích cây vú sữa*?
A. Khuyên nhủ con phải biết vâng lời mẹ.
B. Giải thích nguồn gốc cây vú sữa.
C. Phê phán việc không nghe lời mẹ.
D. Sự hối hận của người con.
- Câu 9.** Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm.
- Câu 10.** Em có nhận xét gì về sự hoá thân thành cây xanh người mẹ trong truyện?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết bằng lời văn của mình.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	B	0,5
	9	- HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học. - Lí giải được lí do nêu bài học ấy.	1,0
	10	- Nêu lí do dẫn đến sự hoá thân của người mẹ. - Đánh giá ý nghĩa, giá trị tư tưởng, nghệ thuật của chi tiết này.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một truyện cổ tích hoặc truyền thuyết.	0,25

	<i>c. Kể lại câu chuyện</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
	- Sử dụng ngôi kể phù hợp. - Giới thiệu truyện. - Thuật lại các sự kiện chính trong truyện: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Cảm nghĩ về câu chuyện đã kể.	2,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, lời kể sáng tạo.</i>	0,5

UBND QUẬN ...
TRƯỜNG THCS.....

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: NGỮ VĂN 6
(Thời gian làm bài: 90 phút)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: NGỮ VĂN 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ (lục bát)	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

UBND QUẬN....
TRƯỜNG THCS.....

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: NGỮ VĂN 6
(Thời gian làm bài: 90 phút)

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ (lục bát)	Nhận biết: - Nhận ra thể thơ của đoạn trích. - Nhận ra từ ghép và từ láy. Thông hiểu: - Xác định được đặc trưng của thể thơ lục bát: + Cách gieo vần + Cách ngắt nhịp - Xác định được biện pháp tu từ ẩn dụ. - Xác định được nội dung của đoạn trích. Vận dụng: - Trình bày được ý nghĩa của hình ảnh ẩn dụ. - Rút ra được tình cảm của bản thân sau khi đọc đoạn trích.	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích; dùng người kể chuyện ngôi thứ ba kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích đã đọc ngoài sách giáo khoa.				1 TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

UBND QUẬN..... TRƯỜNG THCS	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I Môn: NGỮ VĂN 6 (Thời gian làm bài: 90 phút)
-------------------------------------	---

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi.

Con cò lặn lội bờ sông,
Mẹ đi tưới nước cho bông có đài.
Trông trời, trông nước, trông mây,
Trông cho lúa chín hột xây nặng nhành,
Trông cho rau muống mau xanh
Để mẹ nấu một bát canh đậm đà,
Mát lòng sau bữa rau cà,
Cho con mau lớn việc nhà con lo.
(Ca dao)

Câu 1. Bài ca dao viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát B. Tự do C. Bốn chữ D. Năm chữ

Câu 2. Bài ca dao viết về điều gì?

- A. Sự lao động của cái cò.
B. Những hy vọng của mẹ.
C. Những công việc hàng ngày của mẹ.
D. Sự tần tảo, vất vả của mẹ và tình yêu, sự kì vọng của mẹ với con.

Câu 3. Bài ca dao gieo vần ở những tiếng nào?

- A. sông – nước – mây, xây – nhành-xanh-can, đà-cà-nhà.
B. sông – bông, mây – xây, nhành-xanh-can, đà-cà-nhà.
C. sông – bông, mây – xây, nhành-xanh, đà-cà-nhà
D. sông – bông, đài-nước, mây – xây, nhành-xanh-can, đà-cà-nhà

Câu 4. Cách ngắt nhịp nào đúng với khổ thơ thứ sau?

- A. Trông trời/, trông nước/, trông mây,
Trông cho lúa chín/ hột xây nặng nhành,
Trông cho/ rau muống mau xanh
Để mẹ/ nấu một bát canh/ đậm đà,
Mát lòng/ sau bữa rau cà,
Cho con mau lớn/ việc nhà con lo.

- B. Trông trời/, trông nước/, trông mây,
Trông cho/ lúa chín/ hột xây/ nặng nhành,
Trông cho/ rau muống/ mau xanh
Để mẹ/ nấu một bát canh/ đậm đà,

Mát lòng/ sau bữa rau cà,
Cho con mau lớn/việc nhà con lo.

C. Trông trời/, trông nước/, trông mây,
Trông cho/ lúa chín hột xây/ nặng nhàn,
Trông cho/ rau muống mau xanh
Để mẹ/ nấu một bát canh/ đậm đà,
Mát lòng/ sau bữa rau cà,
Cho con mau lớn/ việc nhà con lo.

D. Trông trời/, trông nước, trông mây,
Trông cho/ lúa chín/ hột xây/ nặng nhàn,
Trông cho/ rau muống/ mau xanh
Để mẹ/ nấu một/ bát canh/ đậm đà,
Mát lòng/ sau bữa rau cà,
Cho con mau lớn/việc nhà con lo.

Câu 5. Dòng thơ nào sau đây chứa biện pháp ẩn dụ?

- A. Con cò lặn lội bờ sông. B. Trông cho rau muống mau xanh.
C. Mát lòng sau bữa rau cà. D. Cho con mau lớn việc nhà con lo.

Câu 6. Bài ca dao trên sử dụng mấy từ láy?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7. Bài ca dao trên sử dụng mấy từ ghép?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 8. Bài thơ chủ yếu thể hiện tình cảm gì của người viết?

- A. Ca ngợi vẻ đẹp mẹ.
B. Ca ngợi vẻ đẹp của tâm hồn người mẹ.
C. Trân trọng và biết ơn mẹ.
D. Ca ngợi tình cảm của mẹ dành cho con.

Câu 9. Hình ảnh "con cò lặn lội bờ sông" có ý nghĩa như thế nào trong văn bản trên?

Câu 10. Nội dung của bài ca dao khơi gợi ở em tình cảm gì đối với mẹ của mình?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích đã đọc (ngoài sách giáo khoa) bằng lời văn của em.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	Đánh giá ý nghĩa, giá trị tư tưởng, nghệ thuật của chi tiết này.	1,0
	10	Nêu tình cảm rút ra được từ đoạn thơ: tình cảm đối với mẹ của mình.	1,0
II		LÀM VĂN	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một truyện truyền thuyết/ cổ tích bằng lời của mình</i>	0,25
		<i>c. Kể lại truyện</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5
		- Mở bài giới thiệu hoặc nêu lí do kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích; Kết bài nêu kết thúc của truyện truyền thuyết hoặc cổ tích/nêu cảm nghĩ về truyện đã kể: 0,5 điểm - Thân bài: + Xác định được ngôi kể phù hợp, sử dụng phương thức chính là tự sự: + Kể lại được truyện, đảm bảo các sự việc và chi tiết tiêu biểu; có đủ các sự việc mở đầu, diễn biến và kết thúc	2.5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Sử dụng lời văn của bản thân một cách hợp lí, có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (dùng từ, đặt câu)	0,25